Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2025-08-02T22:01:23.6940788+07:00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 43 + 44 Ngày 30 tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 527/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 1)	2

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 527/NQ-HĐND	*Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

Xét Tờ trình số 420/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 404/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung 355.969 triệu đồng từ số vốn ngân sách cấp huyện đã giao tăng thêm so với số kế hoạch được HĐND tỉnh giao vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, gồm:

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 253.911 triệu đồng.
2. Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị: 81.873 triệu đồng.
3. Nguồn chi đầu tư giáo dục đào tạo: 274 triệu đồng.
4. Nguồn chi đầu tư lĩnh vực văn hóa: 370 triệu đồng.
5. Nguồn tiết kiệm chi ngân sách: 5.250 triệu đồng.
6. Nguồn huy động nhân dân đóng góp: 1.691 triệu đồng.
7. Nguồn dự phòng ngân sách: 12.600 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

Điền 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư năm 2025 cấp tỉnh quản lý, cụ thể:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 1.071.859 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 20.492 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 57.608 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương thị xã Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 259.350 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 36.312 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 21.370 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Sông Mã (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 91.240 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 38.200 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Yên Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 30.720 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương Thành phố Sơn La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 466.891 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Mường La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 25.160 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 24.516 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 02 và các Biểu số 02.1 đến 02.11 kèm theo)

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư năm 2025 cấp tỉnh quản lý, cụ thể:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 61.525 triệu đồng

2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 84 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thị xã Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 53.640 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 406 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 174 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2024 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 7.221 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 03 và các Biểu số 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪ SỐ VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐÃ GIAO TĂNG THÊM SO VỚI SỐ KẾ HOẠCH ĐƯỢC HĐND TỈNH GIAO

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chênh lệch	Ghi chú
1	**2**	**3**	**4**
	TỔNG SỐ	**355.969**	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	253.911	
2	Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị	81.873	
3	Nguồn chi đầu tư giáo dục đào tạo	274	
4	Nguồn chi đầu tư lĩnh vực văn hóa	370	
5	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách	5.250	
6	Nguồn huy động nhân dân đóng góp	1.691	
7	Dự phòng ngân sách huyện	12.600	

Biểu số 02

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nămcấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (Đợt 1)											Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:										
			Nguồn bổ sung cân đối hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn thu xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị	Nguồn chi đầu tư giáo dục đào tạo	Nguồn chi đầu tư lĩnh vực văn hóa	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách	Nguồn huy động nhân dân đóng góp	Dự phòng ngân sách huyện	
	TỔNG SỐ	**1.071.859**	**14.210**	**11.040**	**178.990**	**765.561**	**81.873**	**274**	**370**	**5.250**	**1.691**	**12.600**	
1	Huyện Bắc Yên	20.492		1.472	12.720	6.300							Chi tiết biểu số 02.1
2	Huyện Mai Sơn	57.608		4.548	19.040	34.020							Chi tiết biểu số 02.2
3	Thị xã Mộc Châu	259.350	4.010		15.340	235.000	5.000						Chi tiết biểu số 02.3
4	Huyện Phù Yên	36.312	1.900		17.180	17.232							Chi tiết biểu số 02.4

TT	Nội dung	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nămcấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh (Đợt 1)											Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:										
			Nguồn bổ sung cân đối hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn thu xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị	Nguồn chi đầu tư giáo dục đào tạo	Nguồn chi đầu tư lĩnh vực văn hóa	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách	Nguồn huy động nhân dân đóng góp	Dự phòng ngân sách huyện	
5	Huyện Quỳnh Nhai	21.370	1.960		12.930	6.480							Chi tiết biểu số 02.5
6	Huyện Sông Mã	91.240		1.730	20.210	56.700						12.600	Chi tiết biểu số 02.6
7	Huyện Thuận Châu	38.200	6.340		23.760	8.100							Chi tiết biểu số 02.7
8	Huyện Yên Châu	30.720	0		13.820	16.650				250			Chi tiết biểu số 02.8
9	Thành phố Sơn La	466.891		867	15.670	366.146	76.873	274	370	5.000	1.691		Chi tiết biểu số 02.9
10	Huyện Mường La	25.160		1.560	15.500	8.100							Chi tiết biểu số 02.10
11	Huyện Sốp Cộp	24.516		863	12.820	10.833							Chi tiết biểu số 02.11

Biểu số 02.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN BẮC YÊN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**39.951**	**33.777**	**22.585**	**2.093**	**20.492**	**20.492**	
A	**NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**1.900**	**1.580**	**1.580**	**108**	**1.472**	**1.472**	
I	**Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản**				**1.900**	**1.580**	**1.580**	**108**	**1.472**	**1.472**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**1.900**	**1.580**	**1.580**	**108**	**1.472**	**1.472**	
1	Xây dựng mới thủy lợi Nà Tớ bản Cao Đa 1	Bản Cao Đa 1, xã Phiêng Ban	2024 - 2025	1493 29/10/2024	1.900	1.580	1.580	108	1.472	1.472	
B	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**18.991**	**13.137**	**13.137**	**417**	**12.720**	**12.720**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
I	**Văn hóa, thông tin**				**1.000**	**1.000**	**1.000**		**1.000**	**1.000**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**1.000**	**1.000**	**1.000**		**1.000**	**1.000**	
1	Nhà văn hoá bản Suối Trắng	Bản Suối Trắng, xã Phiêng Côn	2.025	1499 30/10/2024	1.000	1.000	1.000		1.000	1.000	
II	**Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp**				**3.300**	**3.300**	**3.300**		**3.300**	**3.300**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**3.300**	**3.300**	**3.300**		**3.300**	**3.300**	
1	Nhà lớp học Trường PTDTBT Tiểu học Hua Nhàn	Bản Trông Dê	2025	1494 30/10/2024	3.300	3.300	3.300		3.300	3.300	
III	**Giao thông**				**1.300**	**1.300**	**1.300**		**1.300**	**1.300**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**1.300**	**1.300**	**1.300**		**1.300**	**1.300**	
5	Đường trục chính bản Kỳ Sơn (giai đoạn 5)	Bản Kỳ Sơn, xã Phiêng Côn	2025	1484 29/10/2024	1.300	1.300	1.300		1.300	1.300	
IV	**Công nghiệp, điện**				**13.391**	**7.537**	**7.537**	**417**	**7.120**	**7.120**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**13.391**	**7.537**	**7.537**	**417**	**7.120**	**7.120**	
1	Đầu tư cấp điện nông thôn trên địa bàn huyện Bắc Yên	Các xã Phiêng Ban, Tạ Khoa, Song Pe, Phiêng Côn, Chiềng Sại, Háng Đồng, Xím Vàng, Chim Vàn	2022 - 2025	1487 29/10/2024	13.391	7.537	7.537	417	7.120	7.120	
C	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**19.060**	**19.060**	**7.868**	**1.568**	**6.300**	**6.300**	
I	**Văn hóa, thông tin**				**8.280**	**8.280**	**1.930**		**1.930**	**1.930**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**8.280**	**8.280**	**1.930**		**1.930**	**1.930**	
2	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2024 - 2025	702 07/6/2024	8.280	8.280	1.930		1.930	1.930	
II	**Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước**				**5.950**	**5.950**	**382**		**382**	**382**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**5.950**	**5.950**	**382**		**382**	**382**	
1	Phòng họp HĐND-UBND huyện	Thị trấn	2023 - 2024	851 15/8/2023	5.950	5.950	382		382	382	
VI	**CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ**				**4.830**	**4.830**	**4.830**	**1.568**	**3.262**	**3.262**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**4.830**	**4.830**	**4.830**	**1.568**	**3.262**	**3.262**	
1	Xây dựng hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất bản Phúc xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	Xã Mường Khoa	2022 - 2023	1194 02/11/2023	4.830	4.830	4.830	1.568	3.262	3.262	
VII	**Phân bổ chi tiết sau**						**726**		**726**	**726**	

Biểu số 02.2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN MAI SƠN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**496.746**	**110.187**	**123.302**	**83.714**	**57.608**	**57.608**	
A	**NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**19.406**	**6.566**	**6.420**	**1.872**	**4.548**	**4.548**	
I	**Giao thông**				**17.906**	**6.066**	**5.920**	**1.740**	**4.180**	**4.180**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**17.906**	**6.066**	**5.920**	**1.740**	**4.180**	**4.180**	
1	Rãnh thoát nước dọc tuyến đường trung tâm xã	Xã Chiềng Ban	2023 - 2025	1075 16/6/2023	4.329	1.540	1.394	1.240	154	154	
2	Đường giao thông đến bản Thống Nhất	Xã Chiềng Ban	2024 - 2025	3675 10/11/2023	3.000	1.000	1.000	500	500	500	
3	Đường đến bản Tong Chiêng - Huổi Hài, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2024 -	2613 28/11/2024	3.978	1.326	1.326		1.326	1.326	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
			2025								
4	Đường trục, liên bản Khoa, xã Chiềng Chung	Xã Chiềeng Chung	2024 - 2025	2623 29/11/29024	1.500	500	500		500	500	
5	Đường nội bản Khoa, xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	2024 - 2025	2621 28/11/2024	5.099	1.700	1.700		1.700	1.700	
III	**Cấp nước, thoát nước**				**1.500**	**500**	**500**	**132**	**368**	**368**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**1.500**	**500**	**500**	**132**	**368**	**368**	
1	Nước sinh hoạt bản Bông xã Mường Chanh huyện Mai Sơn	Xã Mường Chanh	2024 - 2025	358 31/01/2021	1.500	500	500	132	368	368	
B	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**254.440**	**82.134**	**33.748**	**14.708**	**19.040**	**19.040**	
a	**Dự án chuyển tiếp**			**-**	**239.640**	**75.330**	**26.943**	**14.708**	**12.235**	**12.235**	
1	Điểm đấu nối tuyến nhánh QL37 với đường QL6 cũ tại tiểu khu 3, xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2021 - 2022	1173 28/5/2021	2.250	2.250	4	4	-	-	
2	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	2019 - 2020	1751 16/08/2018	185.590	28.866	13.792	6.421	7.372	7.372	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
3	Khuân viên cây xanh tiểu khu 4 thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót	2023 - 2024	828 6/5/2023	6.000	6.000	5.090	2.211	2.879	2.879	
4	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 cò Nòi	TT Hát Lót	2022 - 2024	1221 13/6/2022	8.500	2.413	1.487	206	1.281	1.281	
5	Hội trường trung tâm Chính trị - Hành Chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	2022 - 2024	1152 31/5/2022	30.000	28.866	131	131	-	-	
6	Trường TH - THCS Tô Hiệu; Hạng mục: NLH 2 tầng 10 phòng	TT Hát Lót	2024 - 2026	3804 24/11/2023	7.300	6.935	6.438	5.735	703	703	
b	**Dự án khởi công mới**				**14.800**	**6.805**	**6.805**	**-**	**6.805**	**6.805**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trung tâm Mai Sơn (Bản Dôm, thị trấn Hát Lót) - Khu công nghiệp Mai Sơn (bản Tiến Xa, xã Mường Bon), đoạn từ ngã ba bản Dôm - TK16	TT Hát Lót	2025	544 28/3/2025	14.800	6.805	6.805	-	6.805	6.805	
C	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**222.900**	**21.487**	**83.134**	**67.134**	**34.020**	**34.020**	
I	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**222.900**	**21.487**	**83.134**	**67.134**	**15.351**	**15.351**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	2019 - 2020	1751 16/08/2018	185.590		68.238	58.138	9.451	9.451	
2	Khu TĐC cư dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện và các dự án khác	TT Hát Lót	2021 - 2023	2298 28/8/2021	11.500	11.500	9.255	7.255	2.000	2.000	
3	Cơ sở hạ tầng lô 7A khu đô thị mới xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2023 - 2024	3811 13/11/2023	1.230	200	1.091	891	200	200	
4	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 cò Nòi	Xã Cò Nòi	2022 - 2024	1221 13/6/2022	8.500	6.087	108	-	108	108	
5	Cơ sở hạ tầng khu dân cư trung tâm xã Mường Chanh (Bản Đen)	Xã Mường Chanh		3824 28/11/2023	1.280	200	1.050	850	200	200	
6	Cải tạo, nâng cấp đường Trung tâm Mai Sơn (Bản Dôm, thị trấn Hát Lót) - Khu công nghiệp Mai Sơn (bản Tiến Xa, xã Mường Bon), đoạn từ ngã ba bản Dôm - TK16	TT Hát Lót	2025	544 28/3/2025	14.800	3.500	3.392	-	3.392	3.392	
II	**Kế hoạch vốn chưa phân bổ**								**18.669**	**18.669**	

Biểu số 02.3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH THỊ XÃ MỘC CHÂU QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	Tổng số				**159.317**	**550.561**			**259.350**	**259.350**	
I	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**130.612**	**21.227**			**15.340**	**15.340**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**130.612**	**21.227**	**21.227**	**2.330**	**15.340**	**15.340**	
1	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Mộc Châu	2021 - 2023	3294 15/12/2021	19.000	2.400	2.400	397	1.300	1.300	
2	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2022 - 2024	1743 31/10/2022	23.900	4.000	4.000		4.000	4.000	
3	Đầu tư hạ tầng khu tái định cư khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2022 - 2024	1814 10/11/2022	21.275	1.787	1.787		1.500	1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu; hạng mục: Điện trang trí đô thị	Mộc Châu	2022 - 2024	2713 22/10/2024 (đc)	18.846	1.200	1.200		1.200	1.200	
5	Đầu tư hạ tầng Khu đất đấu giá đường QL6 vào Thảo Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2820 07/11/2024	29.000	4.425	4.425		2.500	2.500	
6	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2556 25/9/2024	7.213	2.500	2.500		1.000	1.000	
7	Chỉnh trang hè đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2556 25/9/2024	6.700	2.500	2.500	1.133	2.226	2.226	
8	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ ngã ba 64 đến bản Suối Khem, xã Phiêng Luông	Mộc Châu	2024 - 2026	2567 25/9/2024	3.478	1.800	1.800	800	1.000	1.000	
9	Trang trí đô thị Chào mừng Thành lập thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Mộc Châu	2024 - 2026	3125 13/12/2024	1.200	614	614		614	614	
II	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**					**515.586**	**515.586**	**254.922**	**235.000**	**235.000**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
(1)	**Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025**				**94.683**	**63.592**	**63.592**	**58.577**	**3.754**	**3.754**	
1	Khơi thông dòng chảy suối Mon thuộc bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	971 20/4/2020	16.793	6.650	6.650	6.520	130	130	
2	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 2), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	2477 29/10/2019	14.731	8.663	8.663	7.200	1.300	1.300	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đồn Mộc Ly, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	898 06/5/2019	13.026	11.000	11.000	9.372	1.130	1.130	
4	Đường giao thông từ Quốc lộ 6 - Quốc lộ 43, tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	2207 23/10/2018	50.134	37.279	37.279	35.485	1.194	1.194	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**774.149**	**451.994**	**451.994**	**196.345**	**231.246**	**231.246**	
1	Cầu treo bản Long Phú, xã Chiềng Hắc	Mộc Châu	2022 - 2024	2593 31/10/2019	2.649	1.574	1.574	1.474	100	100	
2	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Mộc Châu	2021 - 2023	3294 15/12/2021	19.000	15.412	15.412	6.182	9.230	9.230	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
3	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn NTMC	Mộc Châu	2021 - 2023	276 12/5/2021	95.000	7.000	7.000		7.000	7.000	
4	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	2887 24/11/2021	180.000	50.000	50.000	26.079	23.921	23.921	
5	Cải tạo, nâng cấp trụ sở HĐND - UBND huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	100 NQ-HĐND 27/2/2023	7.900	7.400	7.400	5.796	800	800	
6	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 3), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2021 - 2023	372 09/2/2021	6.493	6.493	6.493	5.537	712	712	
7	Hạ tầng cụm công nghiệp Mộc Châu; hạng mục: đường nội bộ, tường rào	Mộc Châu	2021 - 2023	2108 20/9/2019	10.953	10.800	10.800	7.068	3.732	3.732	
8	Hạ tầng khu đấu giá tiểu khu 3-2, TTNTMC	Mộc Châu	2021 - 2023	2397 14/9/2021 (đ/c)	14.693	12.113	12.113	9.097	2.213	2.213	
9	Hạ tầng bến xe khách huyện Mộc Châu và khu dân cư lân cận	Mộc Châu	2021 - 2023	1215 15/8/2021	25.000	23.277	23.277	16.043	7.000	7.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
10	Hạ tầng nghĩa trang xã Chiềng Sơn	Mộc Châu	2022 - 2024	2501 10/9/2024	4.350	4.350	4.350	1.043	2.252	2.252	
11	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2022 - 2024	1742 31/10/2022	14.183	14.183	14.183	2.807	8.500	8.500	
12	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2022 - 2024	1743 31/10/2022	23.900	14.600	14.600	9.306	2.000	2.000	
13	Đầu tư hạ tầng khu tái định cư khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2022 - 2024	1814 10/11/2022	21.275	19.488	19.488	6.439	11.500	11.500	
14	Điện chiếu sáng đô thị đáp ứng tiêu chí thành lập thị xã Mộc Châu	Mộc Châu	2023 - 2025	927 10/4/2024	14.974	11.558	11.558	9.000	1.400	1.400	
15	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu; hạng mục: Điện trang trí đô thị	Mộc Châu	2022 - 2024	2713 22/10/2024 (đc)	18.846	14.005	14.005	11.005	3.000	3.000	
16	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu, Hạng mục: Cây xanh	Mộc Châu	2023 - 2025	985 13/6/2023	12.083	11.100	11.100	5.244	4.000	4.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
17	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Lóng Sập	Mộc Châu	2023 - 2025	697 28/4/2023	1.750	1.635	1.635	1.616	19	19	
18	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Chiềng Sơn	Mộc Châu	2023 - 2025	696 28/4/2023	1.610	1.460	1.460	1.412	48	48	
19	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Mường Sang	Mộc Châu	2023 - 2025	698 28/4/2023	1.600	1.205	1.205	1.184	21	21	
20	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Phiêng Luông	Mộc Châu	2023 - 2025	699 28/4/2023	1.700	1.619	1.619	1.589	30	30	
21	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nà Mường (cũ) thành Trụ sở làm việc công an xã Nà Mường, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2023 - 2025	361 13/3/2023	987	930	930	900	31	31	
22	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Trạm phát sóng FM truyền hình Mộc Châu	Mộc Châu	2023 - 2025	702 28/4/2023	500	370	370	300	70	70	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
23	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đấu giá Khu trung tâm hành chính (lô đất ODB-16; ODB-17 cạnh Trung tâm Y tế huyện), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	632 15/3/2024	35.000	33.750	33.750	5.817	26.021	26.021	
24	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đấu giá Khu trung tâm hành chính (lô đất SKC-05, SKC-06, ODB-26, ODB-27 khu dân cư và thương mại cạnh Trung tâm tổ chức sự kiện 389), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	633 15/3/2024	41.000	39.800	39.800		39.600	39.600	
25	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu (khu đất hợp tác xã Hợp Nhất)	Mộc Châu	2024 - 2026	2712 22/10/2024	24.000	23.300	23.300	5.960	15.819	15.819	
26	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất các trường học năm 2024	Mộc Châu	2024 - 2026	635 15/3/2024	2.300	2.045	2.045	1.699	346	346	
27	Mương thoát nước tại thượng lưu Cống Ông Sở, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	3671 18/12/2023	4.000	2.800	2.800	1.095	1.000	1.000	
28	Nhà văn hóa tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	713 25/3/2024	2.900	1.800	1.800	270	1.530	1.530	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
29	Lập Tổng mặt bằng khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu		505 05/3/2024	428	428	428	200	228	228	
30	Lập Tổng mặt bằng khu đất OT120, OT121 thuộc quy hoạch phân khu bảo tồn hệ sinh thái nông nghiệp đặc trưng huyện Mộc Châu Châu	Mộc Châu		506 05/3/2024	165	165	165	100	65	65	
31	Đầu tư hạ tầng Khu đất đấu giá đường QL6 vào Thảo Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2820 07/11/2024	29.000	22.862	22.862	8.362	14.500	14.500	
32	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đấu giá trung tâm hành chính mới; hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Mộc Châu	2024 - 2026	2565 25/9/2024	30.000	24.181	24.181	5.912	18.270	18.270	
33	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2556 25/9/2024	7.213	3.446	3.446	1.646	1.800	1.800	
34	Chỉnh trang hè đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2556 25/9/2024	6.700	3.500	3.500	1.500	2.000	2.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
35	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ ngã ba 64 đến bản Suối Khem, xã Phiêng Luông	Mộc Châu	2024 - 2026	2567 25/9/2024	3.478	1.000	1.000	150	850	850	
36	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến QL43 từ thác Dải Yếm đến bản Thái Hưng, xã Mường Sang	Mộc Châu	2024 - 2026	2568 25/9/2024	993	897	897	597	300	300	
37	Cầu bê tông qua suối Tà Lại đi bản C5, tháng 5 đến xã Tân Lập, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2570 25/9/2024	4.263	1.600	1.600	800	800	800	
38	Đường giao thông liên bản Buốc Pát - Bản Phiêng Cài, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	3127 13/12/2024	4.990	600	600		600	600	
39	Cải tạo, sửa chữa Chợ Km70, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2025	2777 31/10/2024	1.370	1.370	1.370	70	1.300	1.300	
40	Đường giao thông từ bản Suối Xáy đến trung tâm xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2025	291 NQ-HĐND 31/01/2024	14.900	6.900	6.900	1.000	4.400	4.400	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
41	Đường giao thông từ bản Nà Giàng, xã Quy Hướng đến bản Bó, xã Suối Bàng	Mộc Châu	2024 - 2025	347 23/2/2024	12.500	4.500	4.500	200	2.000	2.000	
42	Nhà văn hóa Bản Nà Giàng 2 xã Quy Hướng	Mộc Châu	2023 - 2025	2014 15/12/2022	2.000	500	500	397	103	103	
43	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lũng Mũ, Bó Liều, Tầm Phế, xã Tân Hợp.	Mộc Châu	2024 - 2026	642 15/3/2024	9.900	4.286	4.286	1.394	2.500	2.500	
44	Quy hoạch chi tiết rút gọn (tổng mặt bằng) Hạng mục phụ trợ trung tâm hành chính phường Mộc Lỵ	Mộc Châu	2024 - 2025	3022 03/12/2024	309	309	309		309	309	
45	Tổng mặt bằng khu tái định cư thuộc Bản Muống, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2025	504 05/3/2024	325	324	324		324	324	
46	Tổng mặt bằng khu tái định cư thuộc Tiểu khu 1/5, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Phía bên trái tuyến đường QL.43 hướng Vạn Yên - Mộc Châu) - Khu 01, thuộc tiểu khu 1/5	Mộc Châu	2024 - 2025	502 05/3/2024	292	292	292		292	292	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
47	Tổng mặt bằng khu tái định cư thuộc Tiểu khu Thảo Nguyên, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Phía bên phải tuyến đường QL.43 hướng Vạn Yên - Mộc Châu) - Khu 02, thuộc tiểu khu Thảo Nguyên	Mộc Châu	2024 - 2025	503 05/3/2024	259	259	259		259	259	
48	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ điểm trường Pa Khen I, trường Tiểu học và THCS 19/5	Mộc Châu	2025 - 2026	07 07/02/2025	1.100	1.047	1.047	247	800	800	
49	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học điểm trường Mía Đường Trường Tiểu học và THCS 19/5	Mộc Châu	2025 - 2026	08 07/02/2025	670	602	602	102	500	500	
50	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban chỉ huy quân sự và Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Lập, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2025 - 2026	09 07/02/2025	865	782	782	182	600	600	
51	Sửa chữa nhà ở học viên, nhà bếp và nhà khách Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2025 - 2026	10 07/02/2025	750	732	732	232	500	500	
52	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học điểm trường Nà mường 2 trường TH&THCS Nà mường	Mộc Châu	2025 - 2026	11 07/02/2025	280	278	278	78	200	200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
53	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sơn thuộc Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Mộc Châu	2025 - 2026	109 06/11/2023	4.249	1.000	1.000		1.000	1.000	
54	Xử lý khắc phục sạt lở do thiên tai khu vực trung tâm xã Quy Hướng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Mộc Châu	2023 - 2025	1896 25/9/2023	17.287	4.851	4.851		4.851	4.851	
55	Hỗ trợ làm đường GTNT	Mộc Châu	2021 - 2025		31.215	31.215	31.215	29.215			
III	**NGUỒN KINH PHÍ NÂNG CẤP ĐÔ THỊ**					**8.830**	**8.830**	**3.830**	**5.000**	**5.000**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**					**8.830**	**8.830**	**3.830**	**5.000**	**5.000**	
1	Điện chiếu sáng đô thị đáp ứng tiêu chí thành lập thị xã Mộc Châu	Mộc Châu				3.000	3.000	2.650	350	350	
2	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu; hạng mục: Điện trang trí đô thị	Mộc Châu	2024 - 2026		2.730	2.730	2.730	1.180	1.550	1.550	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
3	Đầu tư hạ tầng Khu đất đấu giá đường QL6 vào Thảo Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2820 07/11/2024	1.000	1.000	1.000		1.000	1.000	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đấu giá trung tâm hành chính mới; hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Mộc Châu	2024 - 2026	2565 25/9/2024	800	800	800		800	800	
5	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2556 25/9/2024	800	800	800		800	800	
6	Chỉnh trang hè đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2556 25/9/2024	500	500	500		500	500	
IV	**NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH XD NTM**				**28.705**	**4.919**	**4.919**	**909**	**4.010**	**4.010**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**28.705**	**4.919**	**4.919**	**909**	**4.010**	**4.010**	
1	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ ngã ba 64 đến bản Suối Khem, xã Phiêng Luông	Mộc Châu				663	663		663	663	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trđ: Kế hoạch vốn đã giao hết năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
2	Cầu bê tông qua suối Tà Lại đi bản C5, tháng 5 đến xã Tân Lập, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	2570 25/9/2024	4.263	1.000	1.000		1.000	1.000	
3	Trường PTDT BT TH&THCS Chiềng Khừa; Hạng mục: Nhà lớp học 2T4P	Mộc Châu	2024 - 2026	2571 25/9/2024	3.200	600	600		600	600	
4	Đường giao thông liên bản Buốc Pát - Bản Phiêng Cài, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Mộc Châu	2024 - 2026	3127 13/12/2024	4.990	1.002	1.002		1.002	1.002	
5	Đường giao thông nội bản TĐC Suối Tôn, xã Tà Lại	Mộc Châu	2022 - 2024	1384 31/8/2022	3.000	266	266	146	120	120	
6	Đường giao thông từ bản Nà Sánh đến bản Sao Tua xã Tân Hợp	Mộc Châu	2022 - 2024	1381 31/8/2022	10.000	1.006	1.006	576	430	430	
7	Nhà văn hóa bản Sao Tua, xã Tân Hợp	Mộc Châu	2023 - 2025	2119 28/12/2022	1.653	190	190	188	2	2	
8	Nhà văn hóa tiểu khu 30/4, xã Chiềng Sơn	Mộc Châu	2023 - 2025	2130 28/12/2022	1.599	192	192		192	192	

Biểu số 02.4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN PHÙ YÊN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
	Tổng số				**229.908**	**71.298**	**72.807**	**17.465**	**36.312**	**36.312**	
I	**NGUỒN THU XỔ SỐ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**4.450**	**3.225**	**3.360**	**1.713**	**1.900**	**1.900**	
I	**VĂN HÓA THÔNG TIN**				**3.820**	**2.730**	**2.730**	**1.218**	**1.405**	**1.405**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**3.820**	**2.730**	**2.730**	**1.218**	**1.405**	**1.405**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 03 nhà Văn hoá bản tại xã Mường Thải	Xã Mường Thải	2024-2025	3427 29/10/2024	1.200	1.175	**1.175**	**375**	**732**	**732**	
-	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 02 Nhà Văn hoá bản tại xã Huy Tường	Xã Huy Tường	2024-2025	3432 29/10/2024	550	539	**539**	**250**	**262**	**262**	
-	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 02 Nhà Văn hoá bản + Cổng Chào bản tại xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	2024-2025	3433 29/10/2024	470	423	**423**	**200**	**211**	**211**	
-	Xây mới Nhà văn hoá bản Tồng Cẩu, xã Mường thải	Xã Mường Thải	2024-2025	2973 QĐ-UBND 22/8/2024	1.600	593	**593**	**393**	**200**	**200**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**630**	**495**	**630**	**495**	**495**	**495**	
II	**GIAO THÔNG**				630	495	630	495	495	495	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**630**	**495**	**630**	**495**	**495**	**495**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
-	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Giao thông trục chính bản Ngã Ba xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	2025	3762-16/12/2024	630	495	630	495	495	495	
II	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**115.449**	**33.591**	**30.812**	**6.348**	**17.180**	**17.180**	
I	**QUỐC PHÒNG**				**2.400**	**1.184**	**1.066**		**1.066**	**1.066**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**2.400**	**1.184**	**1.066**		**1.066**	**1.066**	
1	Trụ sở Ban CHQS xã Mường Do	Xã Mường Do	2024-2025	2971 QĐ-UBND 22/8/2024	1.200	584	552		552	552	
2	Trụ sở Ban CHQS xã Gia Phù	Xã Gia Phù	2024-2025	2972 QĐ-UBND 22/8/2024	1.200	600	515		515	515	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
II	**AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**				**3.100**	**1.000**	**845**		**845**	**845**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**3.100**	**1.000**	**845**		**845**	**845**	
1	Trụ sở làm việc công an xã Nam Phong	Xã Nam Phong	2024-2025	2405 QĐ-UBND 09/12/2023	3.100	1.000	845		845	845	
III	**GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**				**14.540**	**11.390**	**10.896**	**5.624**	**5.272**	**5.272**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**14.540**	**11.390**	**10.896**	**5.624**	**5.272**	**5.272**	
1	Trường Mầm Non thị trấn Phù Yên	Thị Trấn	2022-2024	2227 24/11/2023	9.540	6.390	5.896	4.384	1.512	1.512	
4	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	2023-2025	2409 QĐ-UBND 09/12/2023	5.000	5.000	5.000	1.240	3.760	3.760	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
IV	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**				**6.000**	**2.000**	**2.000**		**1.180**	**1.180**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**6.000**	**2.000**	**2.000**		**1.180**	**1.180**	
1	Trạm y tế xã Gia Phù	Xã Gia Phù	2023-2024	1657 ngày 12/7/2021	6.000	2.000	2.000		1.180	1.180	
VII	**GIAO THÔNG**				**89.409**	**18.017**	**16.004**	**724**	**8.817**	**8.817**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**89.409**	**18.017**	**16.004**	**724**	**8.817**	**8.817**	
10	Đường nội thị thị trấn Phù Yên đoạn từ Quốc lộ 37 (Nhà may Hòa Thuận) đi bản Mo 2, xã Quang Huy, huyện Phù Yên	Thị trấn	2024-2025	2404 QĐ-UBND ngày 22/7/2024	2.500	2.500	510		510	510	
11	Cầu Suối Lèo, xã Tân Lang	Tân Lang	2024		900	900	883	724	159	159	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
12	Nâng cấp tuyến đường Mường Tấc đến ngã tư trụ sở UBND xã Quang Huy cũ, thị trấn Quang Huy	Thị trấn	2025	629 28/3/2025	3.000	400	393		393	393	
13	Cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Đá Đỏ - Kim Bon	2023-2025	217/QĐ-UBND ngày 02/2/2024 của UBND tỉnh	54.700	12.397	12.397		7.616	7.616	
14	Cứng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Xã Mường Bang	2023-2025	2414 QĐ-UBND 17/11/2023	21.500	138	138		138	138	
15	Cứng hóa đường giao thông từ bản Tồng Cẩu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thải, huyện Phù Yên	Xã Mường Thải		661/QĐ-UBND 25/3/2025 UBND tỉnh	6.809	1.682	1.682				
III	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				**110.009**	**34.481**	**38.635**	**9.403**	**17.232**	**17.232**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
I	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**				**6.000**	**2.000**	**2.000**		**500**	**500**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**6.000**	**2.000**	**2.000**		**500**	**500**	
1	Trạm y tế xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	2024-2025	1652 ngày 12/7/2021	6.000	2.000	2.000		500	500	
II	**GIAO THÔNG**				**104.009**	**32.481**	**36.635**	**9.403**	**16.732**	**16.732**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**104.009**	**32.481**	**36.635**	**9.403**	**16.732**	**16.732**	
1	Cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Đá Đỏ, Kim Bon	2023-2025	217/QĐ-UBND ngày 02/2/2024 của UBND tỉnh	54.700	20.412	16.015		7.932	7.932	
2	Cứng hóa đường liên xã từ bản Giáp Đất đến trung tâm xã Mường Thải	Xã Mường Thải	2023-2025	217/QĐ-UBND 02/2/2024 của UBND tỉnh	21.000	5.240	11.240	8.998	2.242	2.242	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách huyện quản lý		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã giao đến hết kế hoạch năm 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Nguồn ngân sách huyện					
3	Cứng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Xã Mường Bang	2023-2025	2414 QĐ-UBND 17/11/2023	21.500	5.147	7.698	406	6.558	6.558	
4	Cứng hóa đường giao thông từ bản Tồng Cẩu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thải, huyện Phù Yên	Xã Mường Thải		661 QĐ-UBND 25/3/2025 UBND tỉnh	6.809	1.682	1.682				

Biểu số 02.5

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN QUỲNH NHAI QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**64.527**	**38.216**	**27.988**	**11.589**	**21.370**	**21.370**	
A	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**16.151**	**13.770**	**8.361**	**6.401**	**1.960**	**1.960**	
I	**Giao thông**				**8.001**	**6.450**	**1.041**	**-**	**1.041**	**1.041**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**8.001**	**6.450**	**1.041**	**-**	**1.041**	**1.041**	
1	Dự án nâng cấp đường vào trung tâm xã Nậm ét	Xã Nậm Ét	2025	605 25/3/2025	2.600	2.000	340		340	340	
2	Sửa chữa đường bản Ít, bản Muôn, xã Mường Sại	Xã Mường Sại	2025	602 25/3/2025	3.300	2.720	430		430	430	
3	Cầu bản Cà Pống, xã Nặm Ét	Xã Nậm Ét	2025	606	2.101	1.730	271		271	271	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn ngân sách huyện					
				25/3/2025							
II	**Văn hóa, Thông tin**				**8.150**	**7.320**	**7.320**	**6.401**	**919**	**919**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**8.150**	**7.320**	**7.320**	**6.401**	**919**	**919**	
1	Nhà văn hóa trung tâm xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai.	Xã Chiềng Bằng	2024-2025	3016 07/12/2023	4.800	4.305	4.305	3.897	408	408	
3	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm xã Chiềng Ơn, huyện Quỳnh Nhai.	Xã Chiềng Ơn	2024-2025	3015 07/12/2023	1.700	1.530	1.530	1.259	271	271	
4	Khu thể thao xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai.	Xã Chiềng Bằng	2024-2025	3014 07/12/2023	1.650	1.485	1.485	1.245	240	240	
B	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**48.376**	**24.446**	**19.626**	**5.187**	**12.930**	**12.930**	
I	**Giao thông**				**17.363**	**7.251**	**6.080**	**-**	**4.571**	**4.571**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**17.363**	**7.251**	**6.080**	**-**	**4.571**	**4.571**	
1	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng	Xã Chiềng Khay	2024-2025	1374	4.667	2.251	1.780		1.771	1.771	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn ngân sách huyện					
	Khay (Đoạn từ bản Có Nọi đến bản Khâu Pùm)			15/7/2024							
2	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Cà Nàng (đoạn từ bản Ít Pháy đến bản Huổi Suông)	Xã Cà Nàng	2024-2025	1410 18/7/2024	12.696	5.000	4.300		2.800	2.800	
II	**NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN**				**22.997**	**9.179**	**5.841**	**2.024**	**3.817**	**3.817**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**22.997**	**9.179**	**5.841**	**2.024**	**3.817**	**3.817**	
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	2021-2023	2003 27/9/2022; 1070 31/5/2021	22.997	9.179	5.841	2.024	3.817	3.817	
III	**Cấp nước, thoát nước**				**8.016**	**8.016**	**7.705**	**3.163**	**4.542**	**4.542**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**8.016**	**8.016**	**7.705**	**3.163**	**4.542**	**4.542**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt Huổi Nghịu (Pá Uôn) xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2023-2025	2178 28/10/2022	1.560	1.560	1.560	600	960	960	
2	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Lốm Lầu,	Xã Chiềng Ơn	2023-2025	2179	1.708	1.708	1.595	863	731	731	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn ngân sách huyện					
	xã Chiềng Ơn, huyện Quỳnh Nhai			28/10/2022							
3	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Ta Bó điểm TĐC Phiêng Mựt xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giôn	2023-2025	2180 28/10/2022	2.600	2.600	2.528	900	1.628	1.628	
4	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Pá Bó Phiêng Mựt xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	xã Mường Giôn	2023-2025	2181 28/10/2022	2.148	2.148	2.023	800	1.223	1.223	
C	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP**								**6.480**	**6.480**	
I	**Chưa phân bổ chi tiết**								**6.480**	**6.480**	

Biểu số 02.6

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN SÔNG MÃ QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**435.442**	**435.397**	**216.687**	**50.813**	**91.240**	**91.240**	
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỂ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NTM (XSKT)**				**4.500**	**4.455**	**1.898**	**168**	**1.730**	**1.730**	
1	Tuyến đường từ bản Bó đi đường tuần tra biên giới, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	3158 30/10/2024	4.500	4.455	1.898	168	1.730	1.730	
II	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**			**0**	**145.734**	**145.734**	**29.995**	**9.785**	**20.210**	**20.210**	
1	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**			**0**	**145.734**	**145.734**	**29.995**	**9.785**	**20.210**	**20.210**	
1	Vườn hoa tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2774 26/9/2024	3.422	3.422	970	300	670	670	
2	Sân vận động huyện Sông Mã		2017-2024	1168	27.620	27.620	6.900		6.900	6.900	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
				19/4/2019							
3	San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã.		2022-2024	2320 25/42022	48.500	48.500	8.430	5.300	3.130	3.130	
4	Kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cứng về phía thượng lưu 520m), huyện Sông Mã.		2022-2024	3022 22/6/2022	40.372	40.372	3.485	1.485	2.000	2.000	
5	Tuyến đường từ ngã ba bản Bua Hin đi bản Huổi Bua, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2768 26/9/2024	9.300	9.300	3.000	600	2.400	2.400	
6	Tuyến đường từ bản Mường Hung đi bản H8, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2764 26/9/2024	3.000	3.000	1.500	300	1.200	1.200	
7	Tuyến đường từ ngã ba Nà Cầm đến trung tâm bản Huổi, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2765 26/9/2024	5.600	5.600	1.800	600	1.200	1.200	
8	Tuyến đường từ Nà Ngần đi bản Huổi Ỏi, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2766 26/9/2024	1.820	1.820	900	300	600	600	
9	Tuyến đường từ Nà Ngần đi bản Kéo Co, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2767 26/9/2024	5.100	5.100	2.510	600	1.910	1.910	
10	Nâng cấp, sửa chữa sân thể thao xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2772 26/9/2024	1.000	1.000	500	300	200	200	
III	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**260.248**	**260.248**	**167.874**	**36.540**	**56.700**	**56.700**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
a)	**Dự án hoàn thành đã quyết toán**				**21.843**	**21.843**	**20.705**	**10.491**	**10.214**	**10.214**	
1	Đường giao từ QL 4G - bản Kỳ Nình, xã Mường Sai, huyện Sông Mã		2023 - 2024	5255 19/10/2023	4.800	4.800	4.687	2.594	2.093	2.093	
2	Nhà văn hóa bản Tạo, xã Mường Sai, huyện Sông Mã		2023-2024	5073 02/10/2023	1.000	1.000	853	800	53	53	
3	Nhà văn hóa bản Nong Phạ, xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.		2023-2024	5072 02/10/2023	1.000	1.000	895	496	399	399	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Bó Sinh, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.		2024-2025	515 7/3/2024	3.500	3.500	3.189	2.065	1.124	1.124	
5	Hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời QL 4G đoạn từ bản Híp (giáp cây xăng Hoa Xuân), xã Chiềng Khương đến bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã		2024-2025	5476 06/11/2023	3.850	3.850	3.760	1.500	2.260	2.260	
6	Hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời QL 4G đoạn từ bản Kiến Lâm, xã Chiềng Cang (giáp cây xăng Hoa Xuân), đến Cổng chào xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã		2024-2025	5477 06/11/2023	4.750	4.750	4.643	2.000	2.643	2.643	
7	Nhà văn hóa xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.		2023-2024	5084 03/10/2023	2.943	2.943	2.679	1.036	1.643	1.643	
b)	**Dự án đang thực hiện**				**238.405**	**238.405**	**147.169**	**26.048**	**46.486**	**46.486**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Cầu cứng bản Tây Hồ xã Nà Nghịu		2022-2024	1520 08/4/2022	16.969	16.969	11.469	2.705	8.764	8.764	
2	Cầu cứng thay thế cầu treo (tại đường 19/5).		2022-2024	5065 02/10/2023	26.902	26.902	11.402		1.000	1.000	
3	San nền, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã.		2022-2024	2320 25/42022	48.500	48.500	39.070	5.843	3.100	3.100	
4	Kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cứng về phía thượng lưu 520m), huyện Sông Mã.		2022-2024	3022 22/6/2022	40.372	40.372	31.887	3.500	6.047	6.047	
5	Sân vận động huyện Sông Mã		2017-2024	1168 19/4/2019	27.620	27.620	18.578	12.000	6.578	6.578	
6	Sân thể thao xã Mường Sai		2023-2024	1018 07/4/2023	3.500	3.500	3.313	1.000	2.313	2.313	
7	Tuyến đường từ bản Bó đi đường tuần tra biên giới, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	3158 30/10/2024	4.500	4.500	2.558		2.550	2.550	
8	Tuyến đường từ ngã ba bản Bua Hin đi bản Huổi Bua, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2768 26/9/2024	9.300	9.300	4.300		3.341	3.341	
9	Tuyến đường từ bản Mường Hung đi bản H8, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2764 26/9/2024	3.000	3.000	1.500		1.500	1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
10	Tuyến đường từ ngã ba Nà Cầm đến trung tâm bản Huổi, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2765 26/9/2024	5.600	5.600	3.800		3.800	3.800	
11	Tuyến đường từ Nà Ngần đi bản Huổi Ỏi, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2766 26/9/2024	1.820	1.820	920		920	920	
12	Tuyến đường từ Nà Ngần đi bản Kéo Co, xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2767 26/9/2024	5.100	5.100	2.590		2.590	2.590	
13	Nâng cấp, sửa chữa sân thể thao xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024 -2025	2772 26/9/2024	1.000	1.000	500		200	200	
14	Vườn hoa tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã		2024 -2025	2774 26/9/2024	3.422	3.422	2.278		2.278	2.278	
15	Trường THCS Chiềng Khoong, xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã		2024-2025	5950 15/12/2023	7.000	7.000	7.000	500	500	500	
16	Trường MN Hoa Hồng Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã		2024-2025	5951 15/12/2023	5.500	5.500	5.500	500	500	500	
17	Bố trí sắp xếp dân cư bản Tin Tốc, xã Mường Sai, huyện Sông Mã		2022-2024	4557 13/9/2022	28.300	28.300	505		505	505	
IV	**NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH HUYỆN**				**24.960**	**24.960**	**16.921**	**4.321**	**12.600**	**12.600**	
a)	**Dự án đang thực hiện**				**24.960**	**24.960**	**16.921**	**4.321**	**12.600**	**12.600**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Sửa chữa cầu cứng bản Nà Tòng - Phiêng Đìn - Xen Xay, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	2771 26/9/2024	8.160	8.160	7.740	2.510	5.230	5.230	
2	Cầu tràn bản Sàng Lay (đi nhóm hộ bản Huổi Lay), xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	2770 26/9/2024	2.700	2.700	2.645	925	1.720	1.720	
3	Nhà hiệu bộ trường PTDTBT TH&THCS Chiềng En, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	2769 26/9/2024	2.000	2.000	1.937	887	1.050	1.050	
4	Cầu bản Nà Há - bản Xẻ, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	3531 13/12/2024	3.000	3.000	500		500	500	
5	Cầu bản Nà Mện, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	3626 25/12/2024	6.000	6.000	3.500		3.500	3.500	
6	Cầu bản Đứa Pàn, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La		2024-2025	3529 12/12/2024	3.100	3.100	600		600	600	

Biểu số 02.7

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN THUẬN CHÂU QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**169.833**	**50.643**	**48.738**	**13.403**	**38.200**	**38.200**	
I	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**140.929**	**39.276**	**37.372**	**13.378**	**23.760**	**23.760**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**140.929**	**39.276**	**37.372**	**13.378**	**23.760**	**23.760**	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Trung Dũng, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	TT Thuận Châu	2024-2025	6054 25/11/2023	14.800	14.800	12.896	8.957	3.704	3.704	
2	Đường liên xã Long Hẹ - Phổng Lập	Phổng Lập	2023-2025	99 18/01/2024	90.024	2.701	2.701		2.701	2.701	
3	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói	Chiềng	2024-2025	902	16.800	6.470	6.470	1.000	5.470	5.470	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	xã Chiềng Ngàm	Ngàm		21/4/2025							
4	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Co Phường, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	Liệp Tè	2025	1035 20/3/2025	1.900	1.900	1.900		1.900	1.900	
5	Kè Tiểu khu 4, 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	TT Thuận Châu	2025	1036 20/3/2025	320	320	320		320	320	
6	Đường phố Chu Văn An, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	TT Thuận Châu	2025	1892 18/4/2025	700	700	700		700	700	
7	Cầu phai Púa, bản Nam Han, xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu	Mường Khiêng	2025	1038 20/3/2025	1.450	1.450	1.450		1.450	1.450	
8	Đường quốc lộ 6 - bản Bay, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	Phổng Lái	2025	1039 20/3/2025	2.625	2.625	2.625	1.420	1.205	1.205	
9	Kè chống sạt lở nhà bán trú trường THCS Mường Bám, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu	Mường Bám	2025	1040 20/3/2025	1.250	1.250	1.250		1.250	1.250	
10	Đường nội bản Lọng Cu, xã Bó Mười	Bó Mười	2025	1041 20/3/2025	1.200	1.200	1.200		1.200	1.200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
11	Sửa chữa đường ngõ 12, ngách 1, phố Chu Huy Mân	TT Thuận Châu	2025	1042 20/3/2025	60	60	60		60	60	
12	Sửa chữa NSH bản Nghịu, xã Phổng Lập	Phổng Lập	2025	1813 17/4/2025	2.300	2.300	2.300	2.000	300	300	
13	Trạm y tế xã Chiềng Pấc	Chiềng Pấc	2024-2025	2359 10/11/2022	7.500	3.500	3.500		3.500	3.500	
II	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**20.040**	**5.000**	**5.000**	**0**	**8.100**	**8.100**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**20.040**	**5.000**	**5.000**	**0**	**8.100**	**8.100**	
1	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện	TT Thuận Châu	2024-2025	5131 04/12/2024; 1814 17/4/2025	2.000	2.000	2.000		2.000	2.000	
2	Đường liên bản Nà Tra - Pá Chóng - Bôm Kham đến trung tâm xã Mường Bám, huyện Thuận Châu	Mường Bám	2024-2025	86 13/01/2025	12.040	1.800	1.800		1.800	1.800	
3	Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu	Phổng Lập	2024-2025	46 07/01/2025	6.000	1.200	1.200		1.200	1.200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Phân bổ chi tiết sau								3.100	3.100	
III	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**8.864**	**6.367**	**6.366**	**26**	**6.340**	**6.340**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**8.864**	**6.367**	**6.366**	**26**	**6.340**	**6.340**	
1	Đường nội bản Ta Khoang	Chiềng Pha	2024-2025	200 11/9/2023	994	449	449		449	449	
2	Đường nội bản Trọ Phảng	Chiềng Pha	2024-2025	201 11/9/2023	1.462	659	659		659	659	
3	Đường nội bản Nong Lào	Chiềng Pha	2024-2025	205 11/9/2023	832	375	375		375	375	
4	Đường nội bản Ngà Phát	Chiềng Pha	2024-2025	208 11/9/2023	238	107	107		107	107	
5	Đường nội bản nhóm hộ Huổi Giếng, bản Nậm Giắt, xã Phổng Lái	Phổng Lái	2025	591 06/3/2025	2.334	2.100	2.099	26	2.073	2.073	
6	Đường bờ hồ Nong La, xã Chiềng La	Chiềng La	2025	590 06/3/2025	2.104	1.893	1.893		1.893	1.893	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
7	Đường vào trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Chiềng La	Chiềng La	2025	589 06/3/2025	900	784	784		784	784	

Biểu số 02.8

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN YÊN CHÂU QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số	Kế hoạch			

					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG		vốn đã giao từ năm 2021 - 2024		tỉnh	
	TỔNG SỐ				**160.822**	**78.405**	**62.320**	**28.752**	**30.720**	**30.720**	
A	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**111.324**	**34.100**	**31.356**	**12.866**	**13.820**	**13.820**	
I	**Văn hóa, thông tin**				**5.729**	**2.729**	**2.729**		**2.642**	**2.642**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**5.729**	**2.729**	**2.729**		**2.642**	**2.642**	
2	Nâng cấp đường Bó Rôm - Hang Căn, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Xã Phiêng Khoài	2024-2025	1779 02/11/2023	5.729	2.729	2.729		2.642	2.642	
II	**Công trình công cộng tại các đô thị**				**73.341**	**22.600**	**20.000**	**10.453**	**7.110**	**7.110**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**			**73.341**	**22.600**	**20.000**	**10.453**	**7.110**	**7.110**		
1	Nâng cấp đường Huổi Toi - Pa Hốc, xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Hặc	2024-2025	1797 10/11/2023	12.500	2.500	2.500		1.866	1.866	
2	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Chiềng Tương - Đin Chí, Pom Khóc, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Tương	2022-2025	1124 24/10/2022	24.841	15.100	15.100	9.856	5.244	5.244	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch cho một số cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)	Xã Sặp Vạt	2022-2024	1230 09/7/2023	36.000	5.000	2.400	596			
VII	**Nông lâm nghiệp thủy lợi thủy sản**				**5.000**	**5.000**	**4.856**	**2.413**	**2.440**	**2.440**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**			**5.000**	**5.000**	**4.856**	**2.413**	**2.440**	**2.440**		
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Thị Trấn, huyện Yên Châu	THCS Thị Trấn	2023-2025	1160 31/10/2022	5.000	5.000	4.856	2.413	2.440	2.440	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG					
VIII	**Công nghiệp, điện**				**27.254**	**3.771**	**3.771**		**1.628**	**1.628**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**27.254**	**3.771**	**3.771**		**1.628**	**1.628**	
1	Cấp điện nông thôn trên địa bàn huyện Yên Châu giai đoạn 2023-2025	Huyện Yên	2023-2025	408 17/5/2023	27.254	3.771	3.771		1.628	1.628	
B	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**47.648**	**43.255**	**29.914**	**15.887**	**16.650**	**16.650**	
I	**Giao thông**				**9.687**	**6.246**	**5.959**	**4.227**	**1.732**	**1.732**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**9.687**	**6.246**	**5.959**	**4.227**	**1.732**	**1.732**	
1	Nâng cấp đường Bó kiếng - Chi Đảy, xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Hặc	2022-2024	180 QĐ-UBND 24/5/2022	4.687	4.687	4.400	3.577	823	823	
2	Nâng cấp đường Tô Pang - Mỏ Than, xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu	Xã Chiềng Pằn	2022-2025	537 QĐ-UBND 12/9/2022	5.000	1.559	1.559	650	909	909	
II	**Nông lâm nghiệp thủy lợi, thủy sản**				**14.864**	**14.864**	**5.452**	**3.152**	**2.299**	**2.299**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**14.864**	**14.864**	**5.452**	**3.152**	**2.299**	**2.299**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG					
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Na Pản, xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	2021-2024	1881 12/8/2022	14.864	14.864	5.452	3.152	2.299	2.299	
III	**Công trình công cộng tại các đô thị**				**6.166**	**5.215**	**2.815**	**800**	**2.015**	**2.015**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**6.166**	**5.215**	**2.815**	**800**	**2.015**	**2.015**	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch cho một số cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)	Xã Sặp Vạt	2023-2025	1230 QĐ-UBND, 09/7/2023	5.000	5.000	2.600	800	1.800	1.800	
-	Điện chiếu sáng từ Cầu Chiềng Khoi đến bản Tam Thanh, xã Phiêng Khoài (Quốc lộ 6C), huyện Yên Châu	Xã Chiềng Khoi; Phiêng Khoài	2025	282 05/3/2025	1.166	215	215		215	215	
IV	**Lĩnh vực khác**				**16.931**	**16.931**	**15.689**	**7.707**	**7.014**	**7.014**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**16.931**	**16.931**	**15.689**	**7.707**	**7.014**	**7.014**	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Yên Châu, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Huyện Yên Châu	2021-2022	367 09/04/2021	2.916	2.916	2.974	1.800	866	866	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG					
2	Lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận thị trấn Yên Châu giai đoạn 2020-2025	Thị trấn Yên Châu	2022-2024	1246 22/11/2022	2.224	2.224	2.224	779	1.219	1.219	
3	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Sặp Vạt, huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2035	Xã Sặp Vạt	2023-2024	638 30/6/2023	239	239	239	60	170	170	
4	Lập đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu giai đoạn 2021-2035	Xã Lóng Phiêng	2023-2024	639 30/6/2023	247	247	247	60	178	178	
5	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Chiềng Sàng	2023-2024	640 30/6/2023	246	246	246	60	177	177	
6	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Chiềng Pằn	2023-2024	641-30/6/2023	246	246	246	60	177	177	
7	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Chiềng Đông	2023-2024	642-30/6/2023	332	332	332	60	260	260	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG					
8	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Yên Sơn, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Yên Sơn	2023-2024	643-30/6/2023	256	256	256	60	187	187	
9	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng On, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 -2035	Xã Chiềng On	2023-2024	644-30/6/2023	279	279	279	60	209	209	
10	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Phiêng Khoài	2023-2024	645-30/6/2023	373	373	373	60	300	300	
11	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Tú Nang, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Tú Nang	2023-2024	646-30/6/2023	323	323	323	60	252	252	
12	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Chiềng Hặc	2023-2024	647-30/6/2023	263	263	263	60	193	193	
13	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Mường Lựm, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 -2035	Xã Mường Lựm	2023-2024	648-30/6/2023	246	246	246	60	177	177	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG					
14	Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 -2035	Xã Chiềng Tương	2023-2024	649-30/6/2023	246	246	246	60	177	177	
15	Lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu giai đoạn 2021 - 2035	Xã Chiềng Khoi	2023-2024	650 30/6/2023	246	246	246	60	143	143	
16	Khu trưng bày và giới thiệu nông sản huyện Yên Châu (giai đoạn I)	Xã Sặp Vạt	2023-2025	770 QĐ-UBND, 25/7/2023	5.186	5.186	3.886	3.349	352	352	
17	Cải tạo mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất Trung tâm xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Xã Tú Nang	2024-2025	907 14/7/2024	2.500	2.500	2.500	800	1.687	1.687	
18	Cải tạo mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất Trung tâm xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Xã Phiêng Khoài	2024	908 14/7/2024	565	565	565	200	292	292	
*	**Chưa phân bổ chi tiết**								**3.590**	**3.590**	
D	**NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**				**1.850**	**1.050**	**1.050**		**250**	**250**	
I	**Văn hóa, thông tin**				**3.700**	**2.100**	**2.100**		**500**	**500**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: nguồn CTMTQG					
(1)	**Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025**				**1.850**	**1.050**	**1.050**		**250**	**250**	
1	Nhà văn hóa xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Xã Yên Sơn	2024-2025	1406 QĐ-UBND 03/10/2024	1.850	1.050	1.050		250	250	

Biểu số 02.9

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn	Kế hoạch	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú

				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		2021 - 2025		năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
	TỔNG SỐ				**1.129.826**	**1.126.164**	**729.562**	**125.119**	**466.891**	**466.891**	
A	**NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NST - HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NTM**				14.098	14.098	2.770	1.903	867	867	
1	Trường mầm non Sao Mai, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2023-2025	2872 08/12/2022	6.498	6.498	2.613	1.903	710	710	
2	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Cọ (điểm trường Tiểu học bản Hôm), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2024-2026	2665 29/11/2024	7.600	7.600	157		157	157	
B	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP**				30.042	30.042	22.700	7.030	15.670	15.670	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				30.042	30.042	22.700	7.030	15.670	15.670	
1	Đầu tư, nâng cấp Trường THCS Lê Quý Đôn, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2023-2025	3534 09/12/2023	14.442	14.442	14.059	7.030	7.029	7.029	
2	Trường mầm non Hua La, thành phố Sơn La	Hua La	2023-2025	933 14/5/2024	8.000	8.000	2.719		2.719	2.719	
3	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Cọ (điểm trường Tiểu học bản Hôm), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2024-2026	2665 29/11/2024	7.600	7.600	5.922		5.922	5.922	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
C	**NGUỒN CHI ĐẦU TƯ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**				3.400	3.400	274		274	274	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				3.400	3.400	274		274	274	
1	Nhà hiệu bộ mầm non Chiềng Lề, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2025-2026	471 14/3/2025	3.400	3.400	274		274	274	
D	**NGUỒN HỖ TRỢ NÂNG CẤP ĐÔ THỊ**				178.713	178.713	150.984	74.111	76.873	76.873	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				178.713	178.713	150.984	74.111	76.873	76.873	
1	Xử lý cấp bách ngập úng cục bộ tại cầu bản Bó Ẩn phường Chiềng Cơi, khu dân cư tổ 11 phường Quyết Tâm và tổ 1 phường Quyết Thắng	Quyết Thắng, Quyết Tâm, Chiềng Cơi	2022-2023	148 17/01/2023; 2807 28/9/2023	14.300	14.300	13.960	13.729	231	231	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Phú (đoạn từ QL6, ngã ba cơ khí đến ngã tư Ka Láp), thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2023-2025	647 14/4/2023	29.000	29.000	28.231	27.453	779	779	
3	Mở rộng Công viên Đôn Sên - cổng, tường rào trường MN Chiềng Cơi và Trạm y tế Chiềng Cơi	Chiềng Cơi	2023-2025	136 16/01/2023	6.500	6.500	6.300	4.690	1.610	1.610	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Trường Tiểu học Chiềng Lề, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2023-2025	71 12/01/2024	6.521	6.521	6.474	4.500	1.974	1.974	
5	Tuyến đường liên xã Chiềng Xôm - Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Chiềng Xôm, Chiềng Đen	2023-2025	3535 09/12/2023	6.999	6.999	5.268	4.028	1.240	1.240	
6	Cầu treo qua suối Nậm La, bản Mòng, xã Hua La	Hua La	2023-2025	443 11/3/2024	2.500	2.500	2.403	2.389	15	15	
7	Cầu tràn bản San qua suối nhánh Nậm La, xã Hua La	Hua La	2023-2025	3536 09/12/2023	2.494	2.494	2.381	646	1.735	1.735	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Sơn La	Quyết Tâm	2021-2025	1075 04/6/2024	5.000	5.000	4.773	4.052	721	721	
9	Chỉnh trang đô thị phục vụ các ngày lễ lớn năm 2024 trên địa bàn thành phố	TPSL	2024	1140 10/6/2024	1.000	1.000	995	990	6	6	
10	Đầu tư, xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chiềng Sinh	Chiềng Sinh	2024-2026	1137 10/6/2024	8.500	8.500	8.290	4.000	4.290	4.290	
11	Đầu tư, xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	Quyết	2024-2026	1138	6.616	6.616	6.420	3.000	3.420	3.420	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	trường Tiểu học Quyết Tâm	Tâm		10/6/2024; 644 01/4/2025							
12	Đầu tư, nâng cấp tuyến phố Xuân Thủy, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La (phía bên đường ngã ba két nước qua nhà văn hóa tổ 10)	Chiềng Lề	2024-2026	825 04/5/2024; 2515 18/11/2024	4.427	4.427	4.172	3.000	1.172	1.172	
13	Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Công an xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2024-2026	1830 20/8/2024	3.200	3.200	3.035	1.105	1.930	1.930	
14	Nhà ở cán bộ, chiến sỹ và các hạng mục phụ trợ Công an xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2024-2026	1834 21/8/2024	1.500	1.500	1.437	530	907	907	
15	Quảng trường, vườn hoa tại khu vực phía trước Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2024-2026	2237 09/10/2024	28.088	28.088	17.293		17.293	17.293	
16	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn thành phố Sơn La	TPSL	2024-2025	2820 20/12/2024	2.797	2.797	1.410		1.410	1.410	
17	Chỉnh trang đô thị phục vụ tết nguyên đán năm	TPSL	2024-2025	2847	4.399	4.399	4.095		4.095	4.095	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	2025 trên địa bàn thành phố Sơn La			23/12/2024							
18	Chỉnh trang kè suối Nặm La (đoạn từ cầu Trắng đến cầu B Quảng Trường), thành phố Sơn La	Tô Hiệu	2024-2025	2822 20/12/2024	895	895	827		827	827	
19	Chỉnh trang vườn hoa cầu Trắng, công viên 26/10 thành phố Sơn La	Tô Hiệu	2024-2025	2821 20/12/2024 ; 621 27/3/2025	2.890	2.890	2.629		2.629	2.629	
20	Nâng cấp cổng, hoàn thiện sân trường THCS Lê Quý Đôn, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2025-2026	473 14/3/2025	368	368	360		360	360	
21	Nhà hiệu bộ mầm non Chiềng Lề, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2025-2026	471 14/3/2025	3.400	3.400	3.050		3.050	3.050	
22	Trường mầm non Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Tô Hiệu	2025-2026	757 21/4/2025	6.477	6.477	5.403		5.403	5.403	
23	Rải asphalt sân trường Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Sơn La	Tô Hiệu	2025-2026	465 14/3/2025	796	796	778		778	778	
24	Cống thoát nước trên đường quốc lộ 6 (Km 299 + 100), tổ 5, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Quyết Tâm	2025-2026	470 14/3/2025	3.300	3.300	3.200		3.200	3.200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
25	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Sơn La	TPSL	2025-2026	685 8/4/2025	10.745	10.745	3.300		3.300	3.300	
26	Hệ thống điện trang trí các tuyến đường trung tâm thành phố Sơn La	TPSL	2025-2026	250 17/3/2025; 688 8/4/2025	16.000	16.000	14.500		14.500	14.500	
E	**NGUỒN CHI ĐẦU TƯ LĨNH VỰC VĂN HÓA**				3.500	3.500	2.489	2.120	370	370	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				3.500	3.500	2.489	2.120	370	370	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	2024-2025	1891 27/8/2024	1.350	1.350	1.296	1.253	43	43	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Chiềng Xôm	2024-2025	1880 26/8/2024	950	950	872	867	5	5	
3	Nhà văn hóa bản Lụa, xã Hua La, thành phố Sơn La	Hua La	2025-2026	475 14/3/2025	1.200	1.200	321		321	321	
F	**NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH**				6.434	6.434	5.000		5.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				6.434	6.434	5.000		5.000	5.000	
1	Chỉnh trang các nút giao thông trên tuyến Quốc lộ 6 - đoạn tránh thành phố Sơn La (nút giao tại xã Chiềng Cọ và xã Hua La)	TPSL	2025-2026	686 08/4/2025	6.434	6.434	5.000		5.000	5.000	
G	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**				888.023	887.711	543.653	39.955	366.146	366.146	
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				888.023	887.711	492.153	39.955	314.646	314.646	
1	Mua sắm thiết bị phục vụ công dạy và học cho các trường công lập trên địa bàn thành phố năm 2024	TPSL	2024 - 2025	1181 11/6/2024	5.000	5.000	663		663	663	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	2024-2025	1139 10/6/2024	4.800	4.800	4.632	4.500	132	132	
3	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	2024-2025	1246 21/6/2024	1.400	1.400	1.356	955	400	400	
4	Nhà văn hóa tổ 1, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2023-2025	2848 07/12/2022	850	850	393		393	393	
5	Hạ tầng khu dân cư tiếp giáp Khu dân cư 1a và	Chiềng	2023-2025	3462	10.496	10.496	8.563	2.263	6.300	6.300	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	Công ty Điện lực thành phố	Cơi		05/12/2023							
6	Hạ tầng khu dân cư Đại Thắng, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Quyết Tâm	2023 - 2025	1805 16/8/2024	12.600	12.600	11.193	7.493	3.700	3.700	
7	Khu dân cư bản Hôm, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2023 - 2025	2191 02/10/2024	1.822	1.822	1.713	613	1.100	1.100	
8	Trường TH và THCS Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Chiềng Xôm	2023-2025	1104 7/6/2024	14.000	14.000	13.900	7.900	6.000	6.000	
9	Di dời dân ra khỏi vùng sạt lở bản Co Phung, xã Hua La, thành phố Sơn La	Hua La	2024-2025	2156 26/9/2024	14.800	14.800	11.382	7.750	3.632	3.632	
10	Hạ tầng khu dân cư tiếp giáp tuyến đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	2024-2025	2157 26/9/2024	1.800	1.800	1.730	1.000	730	730	
11	Hoàn thiện tuyến đường giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu Trắng đến tuyến đường 1A)	Tô Hiệu	2024 - 2026	1714 21/8/2024	343.000	343.000	40.000	7.481	32.519	32.519	
12	Mở rộng khu dân cư mới phường Quyết Thắng	Quyết Thắng	2023 - 2025	2505 07/11/2024	31.000	31.000	10.918		10.918	10.918	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
13	Nhà văn hóa tổ 3, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2024-2025	2936 27/12/2024	1.850	1.850	800		800	800	
14	Rải asphalt tuyến đường phố Lý Tự Trọng, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2024-2025	2941 27/12/2024	1.003	1.003	979		979	979	
15	Cải tạo, nâng cấp rải asphalt đường Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 5, phường Quyết Tâm	Quyết Tâm	2024-2025	29412 27/12/2024	997	997	963		963	963	
16	Rải asphalt sân Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Chiềng Cơi	Chiềng Cơi	2024-2025	2930 27/12/2024	980	980	941		941	941	
17	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, đường vào Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Chiềng An	Chiềng An	2024-2025	2937 27/12/2024	520	520	519		519	519	
18	Đường lên khu sản xuất liên bản, phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Chiềng An	2024-2025	2943 27/12/2024	480	480	457		457	457	
19	Rải asphalt đường khu dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Tô Hiệu	2024-2025	228 10/02/2025	385	385	353		353	353	
20	Rải asphalt đường khu dân cư bản Hẹo, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Tô Hiệu	2024-2025	229 10/02/2025	615	615	575		575	575	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
21	Rải asphalt tuyến đường từ tổ 6 đi tổ 15, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2024-2025	187 24/01/2025	983	983	910		910	910	
22	Khuôn viên cảnh quan bản Hụm, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Chiềng Xôm	2024-2025	210 02/02/2025	600	600	562		562	562	
23	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông trục xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2024-2025	227 10/02/2025	660	660	643		643	643	
24	Xây dựng điểm vui chơi, giải trí bản Hùn, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2024-2025	231 10/02/2025	340	340	328		328	328	
25	Nâng cấp cổng, tường rào trường Trường TH&THCS Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Chiềng Xôm	2025-2026	474 14/3/2025	700	700	690		690	690	
26	Hoàn thiện sân, tường rào và bổ sung thiết bị dạy và học trường mầm non Sao Mai, thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2025-2026	469 14/3/2025	818	818	810		810	810	
27	Kè chắn đất trường mầm non Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Chiềng Đen	2025-2026	467 14/3/2025	1.500	1.500	1.366		1.366	1.366	
28	Nhà văn hóa bản Lụa, xã Hua La, thành phố Sơn La	Hua La	2025-2026	475 14/3/2025	1.200	1.200	761		761	761	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
29	Sửa chữa, nâng cấp sân thể thao trung tâm xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	2024-2025	776 22/4/2025	400	400	390		390	390	
30	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục bản Pảng, xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	2024-2025	775 22/4/2025	600	600	586		586	586	
31	Tạo mặt bằng quỹ đất để xây dựng công trình theo quy hoạch	Chiềng Cơi	2025-2026	759 21/4/2025	30.000	30.000	30.000		30.000	30.000	
32	Tạo mặt bằng quỹ đất để xây dựng bãi đỗ xe, công viên văn hóa biểu trưng tỉnh Đắk Lắk	Chiềng Cơi	2025-2026	760 21/4/2025	8.000	8.000	8.000		8.000	8.000	
33	Trường mầm non Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2025-2026	770 22/4/2025	7.996	7.996	990		990	990	
34	Trường mầm non Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Tô Hiệu	2025-2026	757 21/4/2025	6.477	6.477	1.000		1.000	1.000	
35	Trường mầm non Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2025-2026	752 21/4/2025	7.956	7.956	882		882	882	
36	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường tiểu học Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2025-2026	755 21/4/2025	5.000	5.000	1.000		1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
37	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường tiểu học Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2025-2026	753 21/4/2025	6.000	6.000	1.000		1.000	1.000	
38	Trường tiểu học Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Chiềng Đen	2025-2026	751 21/4/2025; 1270 6/2025	12.808	12.808	6.600		6.600	6.600	
39	Trường Tiểu học và THCS Quyết Tâm (điểm trường Tiểu học)	Quyết Tâm	2025-2026	764 22/4/2025	10.000	10.000	5.000		5.000	5.000	
40	Trường Tiểu học Hua La (điểm trường Trung Ban)	Hua La	2025-2026	758 21/4/2025	12.870	12.870	6.800		6.800	6.800	
41	Trường TH&THCS Chiềng Ngần A, Thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2025-2026	787 23/4/2025	16.500	16.500	8.500		8.500	8.500	
42	Trường TH và THCS Chiềng Ngần B, thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2025-2026	754 21/4/2025	11.880	11.880	3.800		3.800	3.800	
43	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường THCS Quyết Thắng, Thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2025-2026	737 18/4/2025	5.000	5.000	1.000		1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
44	Trường THCS Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2025-2026	756 21/4/2025	5.683	5.683	680		680	680	
45	Trường mầm non Lò Văn Giá, thành phố Sơn La	Chiềng An	2025-2026	1038 21/5/2025	18.000	18.000	18.000		18.000	18.000	
46	Trường Tiểu học và THCS Chiềng Cọ (điểm trường Tiểu học bản Hôm), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2024-2026	2665 29/11/2024	7.600	7.600	1.400		1.400	1.400	
47	Trường THCS Lê Quý Đôn. Thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2025-2026	1272 15/6/2025	10.182	10.182	10.000		10.000	10.000	
48	Trường THCS Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Chiềng Đen	2025-2026	1272 16/6/2025	15.309	15.309	14.135		14.135	14.135	
49	Hạ tầng khu dân cư số 1A, thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	2021-2023	1088 31/5/2021 1129 08/6/2024	93.214,200	93.214,200	88.213,207		3.768	3.768	
50	Xây dựng hạ tầng khu đất giáp tuyến đường quy	Chiềng	2025-2026	687	3.583,047	3.583,047	3.219,126		500	500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	hoạch 25m từ ngã tư Quyết Thắng bản Buốn đến ngã tư đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La	Cơi		08/4/2025							
51	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Sơn La	TPSL	2025-2026	685 8/4/2025	10.745	10.745	7.000,000		7.000	7.000	
52	Chỉnh trang các nút giao thông trên tuyến Quốc lộ 6 - đoạn tránh thành phố Sơn La (nút giao tại xã Chiềng Cọ và xã Hua La)	TPSL	2025-2026	686 08/4/2025	6.434	6.434	1.370,000		1.370	1.370	
53	Xây dựng hệ thống cống vòm trang trí trên đường Hoàng Quốc Việt, đường Hùng Vương, phường Chiềng Cơi thành phố Sơn La	Chiềng Cơi	2025-2026	687 08/4/2025	3.583	3.583	3.219,126		3.219	3.219	
54	Trường mầm non Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2025-2026	770 22/4/2025	7.996	7.996	7.990,000		7.000	7.000	
55	Trường mầm non Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Chiềng Cọ	2025-2026	752 21/4/2025	7.956	7.956	7.900,000		7.018	7.018	
56	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường tiểu học Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2025-2026	755 21/4/2025	5.000	5.000	5.000,000		4.000	4.000	
57	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường tiểu học Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2025-2026	753 21/4/2025	6.000	6.000	6.000,000		5.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
58	Trường tiểu học Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Chiềng Đen	2025-2026	751 21/4/2025; 1270 6/2025	12.808	12.807,911	12.600,000		6.000	6.000	
59	Trường Tiểu học và THCS Quyết Tâm (điểm trường Tiểu học)	Quyết Tâm	2025-2026	764 22/4/2025	10.000	10.000	10.000,000		5.000	5.000	
60	Trường Tiểu học Hua La (điểm trường Trung Ban)	Hua La	2025-2026	758 21/4/2025	12.870	12.870	12.800,000		6.000	6.000	
61	Trường TH&THCS Chiềng Ngần A, Thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2025-2026	787 23/4/2025	16.500	16.500	16.500,000		8.000	8.000	
62	Trường TH và THCS Chiềng Ngần B, thành phố Sơn La	Chiềng Ngần	2025-2026	754 21/4/2025	11.880	11.880	11.800,000		8.000	8.000	
63	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường THCS Quyết Thắng, Thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2025-2026	737 18/4/2025	5.000	5.000	5.000,000		4.000	4.000	
64	Trường THCS Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2025-2026	756 21/4/2025	5.683	5.680	5.680,000		5.000	5.000	
65	Trường THCS Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Chiềng Đen	2025-2026	1272 16/6/2025	15.309	15.000	15.000,000		865	865	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
66	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các nhà làm việc thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp						35.000		35.000	35.000	
-	Phường Tô Hiệu						5.000		5.000	5.000	
-	Phường Chiềng Cơi						10.000		10.000	10.000	
-	Phường Chiềng An						10.000		10.000	10.000	
-	Phường Chiềng Sinh						10.000		10.000	10.000	
67	Phân bổ chi tiết sau (Thực hiện các dự án, nhiệm vụ còn lại trong trung hạn sau khi đủ điều kiện phân bổ vốn theo quy định)						51.500		51.500	51.500	
H	**NGUỒN HUY ĐỘNG NHÂN DÂN ĐÓNG GÓP**				5.616	2.266	1.691		1.691	1.691	
1	Nhà văn hóa tổ 2, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2024-2025	826 04/5/2024	2.066	666	376		376	376	
2	Nhà văn hóa tổ 7, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Chiềng Sinh	2024-2025	834 05/5/2024	850	100	100		100	100	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2025 ngân sách cấp huyện đã giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao từ năm 2021 - 2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
3	Nhà văn hóa tổ 3, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La	Chiềng Lề	2024-2025	2936 27/12/2024	1.850	1.050	765		765	765	
4	Nhà văn hóa tổ 1, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Quyết Thắng	2023-2025	2848 07/12/2022	850	450	450		450	450	

Biểu số 02.10

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN MƯỜNG LA QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**286.199**	**103.955**	**100.326**	**32.188**	**25.160**	**25.160**	
I	**NGUỒN THU XỔ SỐ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**7.969**	**7.969**	**6.831**	**1.996**	**1.560**	**1.560**	
(1)	**Dự án khởi công mưới giai đoạn 2021 - 2025**				**7.969**	**7.969**	**6.831**	**1.996**	**1.560**	**1.560**	
1	Nhà văn hóa bản Nậm Nghiệp xã Ngọc Chiến	Ngọc Chiến	2023-2025	821 QĐ-UBND 17/5/2023	2.492	2.492	1.875	204	238	238	
2	Đường vào bản Huổi Hiểu, xã Mường Chùm	Mường Chùm	2024-2025	145 QĐ-UBND 22/01/2024	2.308	2.308	2.100	852	262	262	
3	Đường giao thông bản Nà Nong, xã Mường Bú	Mường Bú	2024-2025	721 QĐ-UBND 17/4/2024	3.169	3.169	2.855	940	1.060	1.060	
II	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**137.030**	**53.908**	**51.817**	**18.295**	**15.500**	**15.500**	
(1)	**Khởi công mới giai đoạn 2022-2025**				**137.030**	**53.908**	**51.817**	**18.295**	**15.500**	**15.500**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Xây dựng hè phố trung tâm xã Mường Bú, huyện Mường la	Mường Bú	2022- 2024	2045 QĐ-UBND 12/11/2021	9.966	8.916	8.916	5.443	823	823	
2	Điểm thông tin du lịch cộng đồng xã Ngọc Chiến	Ngọc Chiến	2022- 2024	2048 QĐ-UBND 12/11/2021	4.713	3.943	3.943	2.019	1.071	1.071	
3	Bảo quản, tu bổ, phục hồi khu di tích lịch sử Lũng Đán Đanh, xã Mường Chùm	Xã Mường Chùm	2023- 2025	900 QĐ-UBND 24/5/2024	6.200	3.000	3.000	1.023	605	605	
4	Khán đài sân vận động huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	2022- 2024	2123 QĐ-UBND 15/12/2022	2.950	2.950	2.950	1.650	825	825	
5	Cải tạo, nâng cấp đường từ bản Chăm Pộng đến cổng chào bản Nậm nghiệp, xã Ngọc Chiến	Ngọc Chiến	2023-2024	2122 QĐ-UBND 15/12/2022	18.300	18.300	16.209	7.320	7.682	7.682	
7	Bố trí sắp xếp dân cư bản Huổi Hậu, xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Chiềng Lao	2021- 2023	1069 QĐ-UBND 31/5/2021	13.902	5.800	5.800	840	3.160	3.160	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
8	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La (giai đoạn 2)	Thị trấn Ít Ong	2022-2024	2049 QĐ-UBND 30/9/2022	81.000	11.000	11.000		1.334	1.334	
III	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**				**141.200**	**42.078**	**41.678**	**11.897**	**8.100**	**8.100**	
(1)	**Khởi công mới giai đoạn 2022-2025**				**141.200**	**42.078**	**41.678**	**11.897**	**8.100**	**8.100**	
1	Xây dựng nhà làm việc công an xã Nậm Giôn	Nậm giôn	2022-2024	2041 QĐ-UBND 12/11/2021	1.000	1.000	600	600	68	68	
2	Xây dựng hè phố trung tâm xã Mường Bú, huyện Mường la	Mường Bú	2022-2024	2045 QĐ-UBND 12/11/2021	9.966	8.916	8.916	5.443	1.162	1.162	
3	Điểm thông tin du lịch cộng đồng xã Ngọc Chiến	Ngọc Chiến	2022-2024	2048 QĐ-UBND 12/11/2021	4.713	3.943	3.943	2.019	852	852	
4	Bảo quản, tu bổ, phục hồi khu di tích lịch sử Lũng Đán Đanh, xã Mường Chùm	Xã Mường Chùm	2023-2025	900 QĐ-UBND 24/5/2024	6.200	3.000	3.000	1.023	1.372	1.372	
5	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai Nong, xã	Chiềng San	2022-2024	2894	11.920	4.240	4.240	1.972	1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La			QĐ-UBND 24/11/2021							
6	Bố trí sắp xếp dân cư bản Huổi Hậu, xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Chiềng Lao	2021-2023	1069 QĐ-UBND 31/5/2021	13.902	5.800	5.800	840	1.000	1.000	
7	Bệnh viện đa khoa huyện Mường La (giai đoạn 2)	Thị trấn Ít Ong	2022-2024	2049 QĐ-UBND 30/9/2022	81.000	11.000	11.000		2.000	2.000	
8	Cứng hóa đường giao thông từ bản Phiêng Phả - Bản Đán Én - Trung tâm xã Chiềng Lao	Chiềng Lao	2023-2025		12.500	4.180	4.180		646	646	

Biểu số 02.10

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN SỐP CỘP QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				**163.369**	**113.073**	**28.374**	**108.561**	**24.516**	**24.516**	
I	**NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**12.500**	**5.450**	**3.450**	**2.587**	**863**	**863**	
(1)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**12.500**	**5.450**	**3.450**	**2.587**	**863**	**863**	
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp		2024-2025	84, 23/01/2024	12.500	5.450	3.450	2.587	863	863	
II	**NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP**				**37.453**	**4.287**	**24.924**	**12.104**	**12.820**	**12.820**	
(1)	**Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**37.453**	**4.287**	**24.924**	**12.104**	**12.820**	**12.820**	
1	Trụ sở làm việc một cửa, tiếp công dân, khối đoàn thể xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp		2022-2024	2207, 22/11/2022	3.996		3.865	3.133	733	733	
2	Công trình thủy lợi Phai Phung cụm Nà Lìu bản Tốc Lìu, xã Dồm Cang		2024-2025	2190, 16/12/2023	2.167		2.081	800	1.281	1.281	
3	Cầu tràn qua suối Nậm Tỉa khu Huổi Phô đi bản Huổi My, xã Sam Kha		2024-2025	2189, 16/12/2023	3.800		2.964	1.000	1.964	1.964	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Nghĩa trang nhân dân huyện		2024-2025	2188, 16/12/2023	14.990		8.145	3.590	4.555	4.555	
5	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp		2024-2025	84, 23/01/2024	12.500	4.287	7.868	3.581	4.287	4.287	
II	**NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH HUYỆN**				**113.416**	**103.336**		**93.870**	**10.833**	**10.833**	
(2)	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025**				**113.416**	**103.336**		**93.870**	**10.833**	**10.833**	
1	Quy hoạch nông thôn mới Xã Dồm Cang		2020-2021	1403, 06/11/2019	163	163		116	48	48	
2	Quy hoạch nông thôn mới Xã Mường Và		2020-2021	394, 28/4/2020	262	262		185	78	78	
3	Quy hoạch nông thôn mới Xã Púng Bánh		2020-2021	397, 28/4/2020	202	202		147	55	55	
4	Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/2000 căn cứ hậu phương - căn cứ hậu cần kỹ thuật , căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Sốp Cộp		2020-2022	10, 06/01/2020	1.897	1.897		755	1.049	1.049	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
5	Điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La đến năm 2035		2024	417, 03/5/2024	132	132		100	32	32	
6	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 ; Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sốp Cộp		2021-2022	457, 28/5/2021	2.031	2.031		1.593	372	372	
7	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Mường Lạn		2024	593, 14/6/2024	578	578		416	162	162	
8	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La		2024-2025	866, 02/8/2024	2.798	2.798		1.499	593	593	
9	Khắc phục, Sửa chữa tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 1		2020-2021	1144, 12/10/2020	5.000	5.000		4.900	32	32	
10	Khắc phục, Sửa chữa tuyến đường tuần tra biên giới giai đoạn 2		2020-2021	1381, 11/12/2020	4.786	4.786		4.700	25	25	
11	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT huyện Sốp Cộp		2022-2024	2652, 31/10/2021	16.500	16.500		14.000	1.573	1.573	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch năm 2025 địa phương giao	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: Ngân sách huyện					
12	Kè chống sạt lở khu đất Nà Tơ, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La		2021-2023	1014, 27/5/2021	14.000	14.000		11.806	461	461	
13	Dự án ĐTXD CSHT điểm sắp xếp dân cư TTHC huyện Sốp Cộp		2019-2023	1074, 04/9/2019	40.002	40.002		33.675	1.777	1.777	
14	Nước sinh hoạt trung tâm bản Huổi Lầu, xã Mường Và		2024-2025	222, 12/3/2024	2.955	2.955		2.474	147	147	
15	Trận địa pháo phòng không 12,7mm huyện Sốp Cộp GĐ 1		2020-2021	1333, 16/10/2018	3.613	3.613		3.463	141	141	
16	Cứng hoá đường giao thông từ bản Huổi Luông, xã Mường Lèo đến trung tâm xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp (Km18+600m đến Km12+300m)		2025-2026	2638, 11/12/2024	13.500	3.420		10.080	3.300	3.300	
17	Cải tạo nâng cấp, sửa chữa các hạng mục chỉnh trang đô thị Trung tâm hành chính huyện (kỷ niệm 20 năm thành lập huyện)		2024-2025	433, 09/05/2024	4.997	4.997		3.960	990	990	

Biểu số 03

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (ĐỢT 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 của cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh							Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:						
			Nguồn bổ sung cân đối hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn thu xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị	Nguồn tăng thu ngân sách	
	TỔNG SỐ	**61.525**	**695**	**84**	**6.291**	**48.545**	**210**	**5.700**	
1	Huyện Mai Sơn	84		84					Chi tiết biểu số 03.1
2	Thị xã Mộc Châu	53.640	41		1.871	45.819	210	5.700	Chi tiết biểu số 03.2
3	Huyện Phù Yên	406				406			Chi tiết biểu số 03.3
4	Huyện Quỳnh Nhai	174				174			Chi tiết biểu số 03.4
5	Huyện Thuận Châu	7.221	654		4.420	2.147			Chi tiết biểu số 03.5

Biểu số 03.1

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH HUYỆN MAI SƠN)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	TỔNG SỐ			**5.620**	**2.200**	**84**	**84**	
I	**Nguồn vốn xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM**			**5.620**	**2.200**	**84**	**84**	
1	Nhà văn hóa bản Ỏ Tra xã Mường Bon huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD & TĐC	793 15/04/2024	1.000	500	60	60	
2	Đường giao thông đến bản Rừng Thông, xã Mường Bon	Ban QLDA ĐTXD & TĐC	1069 16/6/2023	4.620	1.700	24	24	

Biểu số 03.2

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH HUYỆN MỘC CHÂU)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	TỔNG SỐ			**621.606**	**413.923**	**53.640**	**53.640**	
I	**Nguồn bổ sung trong cân đối được phân cấp**			**31.834**	**31.834**	**1.871**	**1.871**	
1	Nhà lớp học điểm trường trung tâm Trường Mầm non Nà Mường; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	Ban QLDA ĐTXD	3115 30/11/2021	4.134	4.134	8	8	
2	Trường TH&THCS Tà Lại; hạng mục: Nhà Hiệu bộ; Nhà bảo vệ + Nhà vệ sinh + Sửa chữa 2 dãy nhà lớp học nhà 2T6P học + phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD	3300 15/12/2021	2.700	2.700	11	11	
3	Nước sinh hoạt liên xã Tà lại, Nà Mường, huyện	Ban QLDA	309	25.000	25.000	474	474	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	Mộc Châu	ĐTXD	01/03/2022					
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đấu giá trên khu vực trung tâm hành chính mới; Hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Ban QLDA ĐTXD	2565 25/9/2024			660	660	
5	Chỉnh trang hè đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2556 25/9/2024			717	717	
II	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**			**483.959**	**377.859**	**45.819**	**45.819**	
1	Nhà làm việc và các công trình phụ trợ cho tiểu đội dân quân thường trực luân phiên xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1843 30/7/2021	2.900	2.900	11	11	
2	Hạ tầng khu đấu giá tiểu khu 3-2, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2397 14/09/2021	14.693	14.693	803	803	
3	Hạ tầng nghĩa trang nhân dân xã Chiềng Sơn, huyện	Ban QLDA	155	4.350	4.350	491	491	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	Mộc Châu	ĐTXD	21/01/2025					
4	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi tiểu khu Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2566 25/9/2024	7.213	7.213	275	275	
5	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ thác Dải Yếm đến bản Thái Hưng, xã Mường Sang	Ban QLDA ĐTXD	2568 25/9/2024	993	993	494	494	
6	Đầu tư hạ tầng Khu đất đấu giá đường QL6 vào Thảo Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2820 07/11/2024	29.000	29.000	7.268	7.268	
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá trung tâm hành chính mới; Hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Ban QLDA ĐTXD	2565 25/9/2024	30.000	30.000	3.941	3.941	
8	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2887 24/11/2021	180.000	50.000	3.224	3.224	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
9	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1742 31/10/2022	1743 31/10/2022	23.900	1.594	1.594	
10	Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận	Ban QLDA ĐTXD	1215 15/8/2021	25.000	25.000	173	173	
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đấu giá Khu trung tâm hành chính (lô đất ODB-16, ODB-17 cạnh Trung tâm Y tế huyện), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	632 15/3/2024	35.000	35.000	1.000	1.000	
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đấu giá Khu trung tâm hành chính (lô đất SKC-05, SKC-06, ODB-26, ODB-27 khu dân cư và thương mại cạnh Trung tâm tổ chức sự kiện 389), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	633 15/3/2024	41.000	41.000	1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
13	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu (khu đất hợp tác xã Hợp Nhất)	Ban QLDA ĐTXD	2712 22/10/2024	24.000	24.000	540	540	
14	Đường giao thông bản Áng 3, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2054 16/08/2021	11.100	11.100	127	127	
15	Đường giao thông bản Áng 3, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	1347 18/06/2021	9.865	9.865	150	150	
16	Hạ tầng khu dân cư tiểu khu 66, TTNTMC	Ban QLDA ĐTXD	3315 15/12/2021	959	959	129	129	
17	Mương thoát lũ tại vị trí Km79+330/QL43 (Khu Khách sạn Mường Thanh) đến hạ lưu suối Ang (Giao với QL6), thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	281 24/2/2020	5.000	5.000	61	61	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
18	Hạ tầng sắp xếp Khu dân cư tiểu khu Nhà Nghỉ - Tiểu khu 32, thị trấn Nông trường Mộc Châu; Hạng mục: Đường giao thông, điện chiếu sáng (Khu đất Hợp tác xã Thương Binh Thảo Nguyên)	Ban QLDA ĐTXD	2501 30/10/2019	943	943	316	316	
19	Cải tạo tuyến đường từ ngã ba Quốc lộ 43 đi khu du lịch bản Lùn, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1150 28/05/2021	18.513	18.513	1.300	1.300	
20	Nhà văn hóa tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND phường Thảo Nguyên	1336 18/6/2021	1.444	1.444	20	20	
21	Nhà Văn hóa tiểu khu 40, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1342 18/6/2021	1.741	1.741	48	48	
22	Nhà văn hóa tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND phường Thảo Nguyên	892 28/4/2021	1.500	1.500	53	53	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
23	Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	636 15/3/2024	2.100	2.100	275	275	
24	Nhà đa năng trường tiểu học 84, thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND phường Thảo Nguyên	1343 18/6/2021	1.000	1.000	34	34	
25	Mương thoát nước tại thượng lưu Cống Ông Sở, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	774 29/3/2024			201	201	
26	Cải tạo, nâng cấp trụ sở HĐND - UBND huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	3116 13/12/2024	330	330	1.004	1.004	
27	Nhà tang lễ huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD	634 15/3/2024	6.500	6.500	1.138	1.138	
28	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ điểm trường Pa Khen I, trường Tiểu học và THCS 19/5	Ban QLDA ĐTXD	111 13/01/2025	1.100	1.100	247	247	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
29	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học điểm trường Mía Đường Trường Tiểu học và THCS 19/5	Ban QLDA ĐTXD	112 13/01/2025	670	670	102	102	
30	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban Chỉ huy quân sự và Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Lập, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	113 13/01/2025	835	835	182	182	
31	Sửa chữa nhà ở học viên, nhà bếp và nhà khách Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	114 13/01/2025	750	750	233	233	
32	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học điểm trường Nà Mường 2 trường TH&THCS Nà Mòng	Ban QLDA ĐTXD	115 13/01/2025	280	280	79	79	
33	Làm đường giao thông nông thôn năm 2025	UBND xã				143	143	
	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1742 31/10/2022	14.183	14.183	1.857	1.857	
34	Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận	Ban QLDA ĐTXD	1215 15/8/2021			1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
35	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1742 31/10/2022			1.000	1.000	
36	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá trung tâm hành chính mới; Hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Ban QLDA ĐTXD	2565 25/9/2024			1.300	1.300	
37	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi tiểu khu Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2566 25/9/2024			500	500	
38	Đường giao thông từ bản Suối Xáy đến trung tâm xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD	795 02/5/2024			1.500	1.500	
39	Đường giao thông từ bản Nà Giàng, xã Quy Hướng đến bản Bó, xã Suối Bàng, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	347 23/2/2024			1.500	1.500	
40	Điện chiếu sáng đô thị đáp ứng tiêu chí thành lập thị xã Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	927 10/4/2024			930	930	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
41	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu, Hạng mục: Điện trang trí đô thị	Ban QLDA ĐTXD	2713 22/10/2024			771	771	
42	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu; hạng mục: Cây xanh	Ban QLDA ĐTXD	3591 07/12/2023			1.300	1.300	
43	Trường PTDT BT TH & THCS Chiềng Khừa; Hạng mục: Nhà lớp học 2T4P	Ban QLDA ĐTXD	2571 25/9/2024			534	534	
44	Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	636 15/3/2024	2.100	2.100	100	100	
45	Nhà văn hóa tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	713 25/3/2024	2.900	2.900	500	500	
46	Mương thoát nước tại thượng lưu Cống Ông Sở, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	774 29/3/2024			300	300	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
47	Cải tạo, sửa chữa Nhà tiếp dân UBND huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	3116 13/12/2024	330	330	304	304	
48	Sửa chữa, cải tạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả+Phòng GD&ĐT+Văn phòng đăng ký đất đai	Ban QLDA ĐTXD	3117 13/12/2024	830	830	757	757	
49	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc trụ sở Đảng uỷ - HĐND-UBND thị trấn Mộc Châu (cũ tiểu khu 6)	Ban QLDA ĐTXD	3118 13/12/2024	830	830	796	796	
50	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm Truyền thông Văn hóa huyện (cũ), tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	3119 13/12/2024	520	520	436	436	
51	Sửa chữa, cải tạo Nhà lớp học 2T6P của Trường TH &THCS 19/5, Tiểu khu Cờ Đỏ, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	3120 13/12/2024	1.130	1.130	1.112	1.112	
52	Sửa chữa, cải tạo Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen cũ, TTNT Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	3121 13/12/2024	797	797	708	708	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
53	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc cũ của BQL khu du lịch quốc gia Mộc Châu, Tiểu khu Bó Bun	Ban QLDA ĐTXD	3122 13/12/2024	750	750	726	726	
54	Sửa chữa, cải tạo Nhà hiệu bộ, nhà thư viện cũ của Trường THPT Thảo Nguyên, tiểu khu cấp 3, thị trấn NT Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	3123 13/12/2024	810	810	734	734	
55	Trang trí đô thị Chào mừng Thành lập thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD	3129 13/12/2024			500	500	
III	**Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện CT MTQG XD nông thôn mới**			**4.320**	**4.230**	**41**	**41**	
1	Nhà văn hóa xã Quy Hướng	Ban QLDA ĐTXD	2133 28/12/2022	2.820	2.730	37	37	
2	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Tân Hợp	UBND xã Tân Yên	1370 31/8/2022	1.500	1.500	4	4	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
IV	**Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị**			**25.000**		**210**	**210**	
1	Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận	Ban QLDA ĐTXD	1215 15/8/2021	25.000		210	210	
V	**Nguồn tăng thu ngân sách 2024**			**76.493**		**5.700**	**5.700**	
1	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	1742 31/10/2022	21.900		2.300	2.300	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lũng Mú, Bó Liều, Tầm Phế, xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	642 15/3/2024	9.900		1.000	1.000	
3	Hạ tầng khu đấu giá tiểu khu 3-2, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD	2397 14/09/2021	14.693		2.000	2.000	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá trung tâm hành chính mới; Hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt	Ban QLDA ĐTXD	2565 25/9/2024	30.000		400	400	

Biểu số 03.3

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH HUYỆN PHÙ YÊN)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	TỔNG SỐ			**41.457**	**5.757**	**406**	**406**	
I	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**			**41.457**	**5.757**	**406**	**406**	
1	Cấp điện nông thôn giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bản huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐT và XD	516/QĐ-BQL ngày 07/8/2024; 2631/QĐ-UBND 29/12/2023	37.357	1.657	232	232	
2	Trụ sở làm việc công an Bắc Phong	Ban QLDA ĐT và XD	2402/QĐ-UBND 09/12/2023	3.100	3.100	76	76	
3	Các hạng mục phụ trợ Trụ sở ĐU-HĐND- UBND xã Nam Phong	Ban QLDA ĐT và XD	2403/QĐ-UBND 09/12/2023	1.000	1.000	98	98	

Biểu số 03.4

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH HUYỆN QUỲNH NHAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	Tổng số			**4.341**	**1.410**	**174**	**174**	
I	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**			**4.341**	**1.410**	**174**	**174**	
1	Nhà lớp học tiểu học bản Pá Pó	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng	1696 21/8/2022	990	297	141	141	
2	Đầu tư một phòng học mới điểm TĐC Lốm Lầu	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng	1697 21/8/2022	1078	162	10	10	
3	Nâng cấp Nước Sinh bản Hoạt Pho Pha (Điểm Huổi Pho) xã Cà Nàng	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng	1722 22/8/2022	953	365	9	9	
4	Nâng cấp, sửa chữa Sinh Hoạt Pha Giảo (Điểm bản Nà Phi) xã Mường Sại	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng	1723 22/8/2022	1320	586	14	14	

Biểu số 03.5

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH HUYỆN THUẬN CHÂU)

(Kèm theo Nghị quyết số 527/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
	TỔNG SỐ			**42.255**	**22.964**	**7.221**	**7.221**	
I	**Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất**			**9.780**	**3.830**	**2.147**	**2.147**	
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư bản Mòn, xã Thôm Mòn	Ban QLDA ĐTXD	2255 07/5/2024	1.300	1.300	297	297	
2	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu (hạng mục vườn hoa cây xanh)	Ban QLDA ĐTXD	5001 25/11/2024	1.430	1.430	1.200	1.200	
3	Nhà quản lý điều hành, đường công vụ, hệ thống PCCC, sân, bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác tại khu lịch sử - văn hoá đèo Pha Đin	Ban QLDA ĐTXD	3082 27/6/2024	7.050	1.100	650	650	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
II	**Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp**			**21.725**	**11.395**	**4.420**	**4.420**	
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói xã Chiềng Ngàm	UBND TT Thuận Châu	902 21/4/2025	16.800	6.470	1.000	1.000	
2	Đường quốc lộ 6 - bản Bay, xã Phổng Lái	Ban QLDA ĐTXD	1039 20/3/2025	2.625	2.625	1.420	1.420	
3	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nghịu xã Phổng Lập	Ban QLDA ĐTXD	1813 17/4/2025	2.300	2.300	2.000	2.000	
III	**NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**			**10.750**	**7.738**	**654**	**654**	
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông bản Kiến Xương, xã Phổng Lái	Ban QLDA ĐTXD	5679-04/11/2022	7.000	5.000	5	5	
2	Đường nội bản nhóm hộ Huổi Giếng bản Nậm Giắt xã Phổng Lái	Ban QLDA ĐTXD	591 06/3/2025	2.334	2.100	26	26	
3	Đường nội bản Sai	UBND xã Chiềng Pha	203 11/9/2023	421	189	185	185	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Số vốn được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch vốn năm năm 2024 được kéo dài thời gian thực hiện vào giải ngân sang năm 2025 điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	Trong đó: NSĐP			
4	Đường trục bản Trọ Phảng	UBND xã Chiềng Pha	201 11/9/2023	516	234	228	228	
5	Đường nội bản Hán	UBND xã Chiềng Pha	202 11/9/2023	479	215	210	210	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com